

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Quý Cổ Đông Công ty Cổ phần Đầu tư BVG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư BVG;

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong năm 2018 Ban kiểm soát của Công ty CP Đầu tư BVG đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2018 về tính chính xác minh bạch, và việc tuân thủ các chuẩn mực của Kế toán Việt Nam.
- Kiểm soát hoạt động: Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá các hoạt động điều hành trọng yếu của HĐQT, Ban Giám đốc trong năm 2018.

Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 kết quả kiểm soát báo cáo tài chính và kiểm soát hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư BVG trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

I. KIỂM SOÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018

Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2018 của BVG đã được lập đúng thời hạn và tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên của Công ty Kiểm toán và định giá Thăng Long - TDK chi nhánh Miền Bắc.

Chúng tôi xin tóm tắt kết quả hoạt động và một số chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 đã được lập và kiểm toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018:

| | Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2018 |
|----------|--|--------------|------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 286.053.622.406 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 15.947.727 |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 286.037.674.679 |
| | (10=01-02) | | |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | 232.518.346.183 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 53.519.328.496 |
| | (20=10-11) | | |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 286.736.361 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | 9.784.314.340 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | 6.639.602.484 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 | 24.250.277.097 |

| | | | |
|-----------|---|-----------|-------------------------|
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 32.166.871.965 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | (12.395.398.545) |
| 11 | Thu nhập khác | 31 | 25.166.929.216 |
| 12 | Chi phí khác | 32 | 8.381.513.353 |
| 13 | Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 16.785.415.863 |
| 14 | Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh | 45 | |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | 4.390.017.318 |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 1.650.881.977 |
| 17 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | 2.739.135.341 |
| 18.1 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 61 | 2.690.277.201 |
| 18.2 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | 276 |
| 19 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | |

2. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2018

| TÀI SẢN | | Mã số | 31/12/2018 |
|------------|--|------------|------------------------|
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 157.785.914.109 |
| | (100=110+120+130+140+150) | | |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3.669.320.833 |
| 1 | Tiền | 111 | 3.669.320.833 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 | |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 81.479.472.387 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 73.609.096.418 |
| 2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 365.719.408 |
| 5 | Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 135 | 30.168.561.984 |
| 6 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | (22.663.905.423) |
| IV | Hàng tồn kho | 140 | 70.816.312.280 |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | 70.816.312.280 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 1.820.808.609 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 92.349.144 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 1.728.459.465 |
| 3 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | |

| | | | |
|--|---|--------------|------------------------|
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 137.367.846.492 |
| | (200=210+220+240+250+260) | | |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | |
| II | Tài sản cố định | 220 | 68.814.330.400 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 67.789.405.002 |
| - | Nguyên giá | 222 | 126.204.153.850 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (58.414.748.848) |
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 227 | 1.024.925.398 |
| - | Nguyên giá | 228 | 2.370.729.470 |
| - | Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (1.345.804.072) |
| III | Bất động sản đầu tư | 230 | |
| IV | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 8.230.664.643 |
| 1 | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 241 | 892.364.252 |
| 2 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 7.338.300.391 |
| V | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 53.993.843.996 |
| 1 | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 47.300.000.000 |
| 2 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 258 | 6.693.843.996 |
| V | Tài sản dài hạn khác | 260 | 6.329.007.453 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.539.087.932 |
| 2. | Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | 200.624.231 |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 | 1.589.295.290 |
| VI | Lợi thế thương mại | 269 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | | 270 | 295.153.760.601 |
| NGUỒN VỐN | | Mã số | |
| A | NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | 225.314.685.268 |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 | 124.158.092.784 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 49.748.597.167 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 25.824.161.144 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 2.951.477.325 |
| 3 | Phải trả người lao động | 314 | 4.898.196.176 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 9.909.679.242 |
| 8 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 30.605.317.697 |
| 9 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 220.664.033 |
| II | Nợ dài hạn | 330 | 101.156.592.484 |
| 4 | Chi phí phải trả dài hạn | 333 | |
| 5 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 101.156.592.484 |
| B | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 69.839.075.333 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 69.839.075.333 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 97.509.480.000 |

| | | | |
|--|---|------------|------------------------|
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 97.509.480.000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 7.856.827.827 |
| 4 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 150.037.319 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (35.208.871.551) |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i> | 421a | (37.899.148.752) |
| | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | 421b | 2.690.277.201 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | |
| | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | (468.398.262) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) | | 440 | 295.153.760.601 |

II. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG:

Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về hoạt động điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết quả kiểm soát hoạt động chủ yếu như sau:

1. Về công tác quản trị điều hành và tuân thủ pháp luật

Trong năm 2018 công tác quản trị điều hành của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư BVG đã tuân thủ đúng các quy chế nội bộ của Công ty bao gồm: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế quản lý tài chính, quy chế lương, quy định về chế độ chính sách và công tác phí đối với CBCNV phù hợp với mô hình hoạt động của công ty, chấp hành các quy định của nhà nước về Công ty cổ phần và công ty đại chúng, thực hiện các quy định của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2018 Công ty CP đầu tư BVG đã thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh gồm các nội dung sau:

- + Thay đổi người đại diện theo pháp luật (trước có 02 người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Anh Vương và Ông Vũ Hoàng Chương thay Anh Lê Văn Cường làm TGD và là người đại diện theo pháp luật của công ty
- + Thay đổi điều lệ của công ty phù hợp với Giấy chứng nhận ĐK DN mới.

2. Hoạt động Kế toán nội bộ:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán và được lập theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam và đảm bảo đúng thời gian quy định. Công tác kế toán nội bộ luôn đảm bảo hệ thống chứng từ sổ sách kế toán đúng chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hoạt động Sản xuất & Kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của công ty năm 2018 còn 02 mảng chính đó là:

- Sản phẩm Nhà thép tiền chế của công ty Kết Cấu Thép Bắc Việt tại Bắc Ninh doanh thu thuần đạt 130,8 tỷ đồng tăng 14,2% so với 2017 là 114,5 tỷ đồng, LN gộp đạt 13.6 tỷ bằng năm 2017, chi phí lãi vay là 3,27 tỷ đồng, chi phí quản lý là 23,94 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế (13,6) tỷ số này năm 2017 là 1,48 tỷ. Kết quả kinh doanh số sụt giảm mạnh là do đơn vị đã tiền hàng trích lập dự phòng phải thu khó đòi đã tồn đọng nhiều năm của Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng – kinh doanh đô thị, tổng số trích lập năm 2018 là 16,8 tỷ đồng.
- Sản phẩm cơ khí xuất khẩu tại công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt tại khu công nghiệp Gia Lễ, tỉnh Thái Bình có doanh thu đạt 168,7 tỷ tăng 192,4% so với năm 2017 là 57.7 tỷ. Lợi nhuận gộp đạt 39,9 tỷ tăng 210% so với năm 2017 là 12,8 tỷ, chi phí tài chính 3.7 tỷ tăng 158,8% so với năm 2017 là 2.3 tỷ, chi phí bán hàng là 24 tỷ, chi phí quản lý là 7,1 tỷ tăng. Kết quả kinh doanh năm 2018 trước thuế của công ty là 5.3 tỷ tăng 114,5% so với năm 2017, thuế TNDN là 1.6 tỷ, lợi nhuận sau thuế là 3,7 tỷ. Đơn vị đã có bước tiến lớn trong hoạt động kinh doanh tăng mức doanh thu đáng kể so với năm 2017 nhưng đi kèm với đó thì chi phí chi phí cho hoạt động kinh doanh cũng tăng rất nhiều.

Hoạt động tài chính

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, HĐQT đã có những quyết sách mạnh mẽ trong việc tái cấu trúc tài chính của công ty và các công ty con, công ty liên kết cụ thể như sau:

- Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt đã tiến hành bàn giao lại 38.203m2 đất được giao và đồng thời tiến hành chuyển nhượng các chi phí hình thành tài sản cũng như các tài sản trên đất cho Công ty TNHH thép Hoàng Đào là 6.52 tỷ, trả một phần gốc vay cho ngân hàng làm giảm khoản lãi vay hàng mà công ty phải chi trả.
- Số nợ vay ngân hàng đến 31/12/2018 chỉ còn 101 tỷ đồng, giảm 20% so với thời điểm 31/12/2017. Công ty Cổ phần đầu tư BVG sẽ tiếp tục trả nợ vay cho NH PGBank trong năm 2019
- Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.
- Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

3. Hoạt động đầu tư

Năm 2018 công ty không đầu tư thêm vào các công ty con. Tính đến hết 31/12/2018 BVG chỉ còn 02 công ty con là công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt tại KCN Quế Võ Bắc Ninh và công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt tại KCN Gia Lễ tỉnh Thái Bình

Kết quả kinh doanh của các công ty con tại BCTC hết 31/12/2018:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty Kết cấu Thép Bắc Việt (13,6) tỷ đồng
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt đạt 3,7 tỷ đồng
- Ngoài ra công ty còn các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác tổng cộng 54 tỷ đồng bao gồm:
- Công ty cổ phần công nghệ Bắc Việt 47,3 tỷ đồng;
 - Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng Hanel 1.45 tỷ đồng;
 - Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư và công nghệ Hưng Việt 2.32 tỷ đồng;
 - Công ty TNHH MTV lim Royal 2,9 tỷ đồng.

Những hạn chế còn tồn tại:

❖ Quy mô vốn thấp và tỷ lệ đầu tư vào các công ty con lớn

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đòi hỏi vốn lưu động lớn trong khi quy mô vốn chủ sở hữu của công ty thấp 97.5 tỷ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết 31/12/2018 là (35,2) tỷ đồng (Giảm 19,1 tỷ đồng so với số lỗ năm 2017 là 54,3 tỷ). Hiện nay công ty đã sử dụng vốn để đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết số tiền là 120,37 tỷ đồng, dẫn đến việc mất cân đối về tài chính do phải sử dụng vốn đi vay để đầu tư.

❖ Mất cân đối tài chính

Tính đến 31/12/2018 tổng các khoản vay và phải trả là 191 tỷ, với khoản phải trả lớn như vậy thì công ty cần chú ý tới khả năng thanh khoản của đơn vị tránh tình trạng mất cân đối về tài chính như hiện nay. Ngoài ra thì số tiền đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết cũng lớn hơn vốn chủ nên dẫn đến tình trạng mất cân đối về tài chính.

❖ Chi phí dở dang, hàng tồn kho, công nợ khó đòi lớn

Năm 2018 khả năng sản xuất của các công ty con đã có dấu hiệu tiến triển tốt tuy nhiên số lãi của năm 2018 cũng không hề khả quan do đã tiến hành trích lập công nợ khó đòi đã tồn đọng nhiều năm nên cũng chưa đủ bù hết cho số lỗ lũy kế của các năm trước. Sản phẩm kết cấu thép của Công ty TNHH kết cấu thép đã suy thoái từ nhiều năm trước và công ty cũng chỉ duy trì sản xuất. Năm 2018, công ty cũng đã tiến hành tích lập công nợ khó đòi là 16,8 tỷ tuy nhiên số còn lại chưa trích lập vẫn còn là 16,5 tỷ. Tổng tồn kho của các công ty là 70,8 tỷ/286 tỷ doanh thu chiếm 24.7% doanh thu của cả năm.

4. Công tác quản trị nhân sự và chính sách đãi ngộ

Trong năm 2018, tiếp nối truyền thống từ nhiều năm qua, công ty luôn luôn chú trọng đến thu nhập và đời sống của người lao động, thực hiện tốt việc tăng lương tối thiểu vùng do nhà

nước quy định và đóng BHXH, BHYT cho 100% lao động đã ký hợp đồng chính thức, tiếp tục đổi mới, xây dựng và hoàn thiện quy chế lương, chế độ chính sách, công tác phí, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước

Bố trí, sắp xếp lại nhân sự trong hệ thống bao gồm cả các cán bộ quản lý điều hành cho phù hợp với thực tế, không ngừng nâng cao năng lực điều hành thông qua việc tự chủ trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các đơn vị thành viên.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2018 công ty đã thực hiện nhiều hoạt động đột phá trong việc tái cấu trúc và kiện toàn hệ thống. Để tháo gỡ những khó khăn cho công ty trong năm 2018 và những năm tiếp theo. Ban kiểm soát chúng tôi kiến nghị HĐQT, Ban giám đốc một số điểm dưới đây:

1. Tiếp tục tìm mọi biện pháp giảm chi phí lãi vay ngân hàng thông qua việc cơ cấu các khoản mục nợ lớn, chuyển nhượng hoặc chuyển nhượng một phần các dự án không có khả năng thực hiện, tập trung tài chính thanh toán nợ quá hạn.
2. Đối với các công ty kinh doanh phát triển thì đã có phương án mở rộng quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu về hàng hóa cho khách hàng xong do đầu tư quá nhanh và ồ ạt mà không có sự bổ sung nguồn tốt thì sẽ mất cân đối về tài chính dẫn tới sự mất cân bằng trong một khoảng thời gian nhất định gây mất ổn định về tài chính cũng như hoạt động sản xuất tại đơn vị.
3. Giảm số lượng tồn kho về mức thấp nhất có thể tránh áp lực về tài chính.
4. Công ty phát huy tối đa năng lực quản trị điều hành, tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động của công ty mẹ.

TM / BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BVG

Trưởng Ban kiểm soát

Trần Thị Thu Lệ